

Bản án số: 16/2020/HS-ST.

Ngày 17/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYỀN QUANG.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường; nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.
2. Ông Trần Thế Dũng; nghề nghiệp: Giáo viên – Trường PTTH Tân Trào.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/TLST-HS, ngày 18 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tạ Đặng Khánh D**, sinh ngày 05/02/2003;

Địa chỉ: Thôn 6, thị trấn T, huyện S (nay là thôn 6 T, phường C, thành phố Q), tỉnh Tuyền Quang.

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Tạ Duy H, sinh năm 1974 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1975; anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai; vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 316/QĐ-XPHC ngày 27/9/2019 của Công an huyện S, tỉnh Tuyền Quang đối với Tạ Đặng Khánh D về hành vi Trộm cắp tài sản, phạt tiền 500.000 đồng (đã nộp tiền phạt ngày 25/10/2019).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1975; trú tại Thôn 6 T, phường C, thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Kim Tuyền – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyền Quang.

(Người đại diện hợp pháp và người bào chữa đều có mặt tại phiên tòa)

****Những người bị hại:***

1. Cháu Lý Văn G, sinh ngày 05/5/2004;

Người đại diện hợp pháp của cháu G: Anh Lý Văn A;

Cùng trú tại: Thôn N, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
2. Cháu Hoàng Trung T, sinh ngày 31/8/2004;
Người đại diện hợp pháp của cháu T: Chị Dương Thị N;
Cùng trú tại: Thôn 3, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
(*Anh A có mặt; còn lại đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt*)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đào Minh T, sinh năm 1974; trú tại: Xóm 4, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
2. Anh Lê Minh Q, sinh năm 1975; trú tại: Số nhà 220, đường Quang Trung, tổ 11, phường P, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.
(*Anh T có mặt tại phiên tòa; anh Q vắng mặt, có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/11/2019 và ngày 04/12/2019, tại phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; Tạ Đăng Khánh D, sinh ngày 05/02/2003, cư trú tại thôn 6 T, phường C, thành phố Q (có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản), đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05/11/2019, Tạ Đăng Khánh D đi từ Trường cao đẳng nghề Tuyên Quang về phòng trọ thuộc tổ 4, phường L, thành phố Q, khi tới phòng trọ của Lý Văn G, sinh năm 2004, trú tại thôn N, xã B, huyện S, Duy vào phòng của G uống nước. Quan sát thấy G đang nằm ngủ trên giường, điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y91C 2GB-32GB, màu xanh thẫm của G đang cắm sạc để ở dưới đất tại vị trí chân giường, D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D cầm chiếc điện thoại rút ra khỏi dây sạc rồi cất giấu vào trong túi áo đang mặc, sau đó đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại di động “Tuân Quế” của anh Đào Mạnh T, thuộc xóm 4, xã M, huyện S bán cho anh T chiếc điện thoại trên được 1.100.000 đồng. Số tiền trên D chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, anh T bán chiếc điện thoại cho một người phụ nữ (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) với số tiền 1.300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 67/KLĐG ngày 25/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q, kết luận: Giá trị của 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y91C GB-32GB, màu xanh sẫm là 1.860.000đ (*Một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Lần 2: Khoảng hơn 10 giờ ngày 04/12/2019, D đến ký túc xá Trường Cao đẳng nghề Tuyên Quang thuộc tổ 4, phường L, thành phố Q chơi với bạn là Ninh Văn T, sinh năm 2004, trú tại thôn Làng C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi ngủ dậy, D quan sát thấy Hoàng Trung T, sinh năm 2004, trú tại xóm 3, xã Tân Tiến, huyện S (là người trọ cùng phòng với Thái) đang ngủ, để điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi7 32GB, màu đen đang cắm sạc trên đầu giường tầng 1 (loại giường tầng). Duy nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Duy cầm chiếc điện thoại rút khỏi dây sạc rồi cất giấu vào trong túi áo đang mặc, sau đó đến cửa hàng mua bán điện thoại Quang Vinh của anh Lê Minh Q thuộc tổ 11, phường Phan Thiết, thành phố Q, bán cho anh Quang được 1.500.000 đồng. Tại cửa hàng Duy

mua của anh Quang 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu sơn đỏ với số tiền 900.000 đồng, còn lại số tiền 600.000 đồng Duy đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng 10 giờ ngày 05/12/2019, anh Quang đã bán chiếc điện thoại trên cho một người đàn ông (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) với số tiền 1.800.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 76/KLĐG ngày 11/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q, kết luận: Giá trị của 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi7 32GB, loại máy cảm ứng màu đen là 2.430.000đ (*Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

Tổng giá trị 02 chiếc điện thoại di động mà bị cáo trộm cắp được là 4.290.000đ (*Bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSTP, ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố Tạ Đặng Khánh D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Tạ Đặng Khánh D. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Tạ Đặng Khánh D từ 06 đến 09 tháng tù. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét án phí, xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa của bị cáo có quan điểm bào chữa: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội dưới 18 tuổi, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và dưới mức án đề nghị của Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm luận tội; người bào chữa giữ nguyên quan điểm bào chữa.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Người đại diện hợp pháp của bị cáo có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt. Tại đơn đều trình bày giữ nguyên lời khai tại giai đoạn điều tra, xác nhận đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Ngoài ra, những người bị hại còn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến tại giai đoạn điều tra, không có yêu cầu hay đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/11/2019 và ngày 04/12/2019, tại phường L, thành phố Q, Tạ Đặng Khánh D (có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản) đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau: Lần 1, ngày 05/11/2019 tại tổ 4, phường L, thành phố Q, Tạ Đặng Khánh D đã có hành vi trộm cắp của Lý Văn G 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y91C GB-32GB, màu xanh sẫm trị giá 1.860.000 đồng. Lần 2, ngày 04/12/2019 tại tổ 4, phường L, thành phố Q, Tạ Đặng Khánh D đã có hành vi trộm cắp của Hoàng Trung T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi7 32GB trị giá 2.430.000 đồng. 02 chiếc điện thoại di động D trộm cắp có tổng trị giá 4.290.000 đồng. Những hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây hoang mang cho quần chúng về tình hình an ninh trật tự. Đồng thời, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nhưng bị cáo đã học hết lớp 9, tại thời điểm phạm tội bị cáo đang vừa học nghề vừa học văn hóa tại Trường cao đẳng nghề Tuyên Quang; do vậy bị cáo hoàn toàn có thể nhận thức được hành vi lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản của họ là hành vi trái pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân xấu, có tiền sự, tháng 9/2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân sống có ích cho xã hội và gia đình. Ngay sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp chưa được 02 tháng bị cáo đã tiếp tục thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản của người khác. Để thỏa mãn nhu cầu chi tiêu của bản thân bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện hoàn toàn do lỗi cố ý, bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp thể hiện sự liều lĩnh và ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Mặc dù bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nhưng căn cứ vào tình tiết, tính chất, mức độ và ý thức thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng, phạm tội từ 02 lần trở lên, thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, khai báo trung thực về hành vi phạm tội của mình; bị cáo nhận thức sâu sắc về hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đang sống phụ thuộc vào bố mẹ, không có tài sản riêng có giá trị nhưng sau khi phạm tội bị cáo đã có ý thức tác động bố mẹ của bị cáo bồi thường toàn bộ cho người bị hại; bố mẹ để bị cáo đều có Huy chương chiến sỹ vẻ vang, bố để bị cáo được tặng thưởng bằng khen. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi, là người chưa thành niên phạm tội, cần áp dụng các quy định về xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội khi xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cho bị cáo được hưởng mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tình tiết tăng nặng; việc liên tục thực hiện các hành vi trộm cắp của người khác trong thời gian ngắn thể hiện tính nguy hiểm của tội phạm. Nên không có căn cứ để chấp nhận quan điểm bào chữa của người bào chữa về việc đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt bị cáo bị xét xử.

Bị cáo dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di động của bị cáo, là chiếc điện thoại bị cáo mua bằng tiền bán chiếc điện thoại bị cáo trộm cắp được ngày 04/12/2019. Tuy nhiên, bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho những người bị hại, những người bị hại cũng không có ý kiến yêu cầu bồi thường gì khác. Do đó, trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại đã bị thu giữ theo đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về phân trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận tiền bồi thường không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi hoàn khoản tiền nào. Hội đồng xét xử không xem xét phân trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[7] Đối với anh Đào Mạnh T và anh Lê Minh Q mua điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có, nhưng khi mua không biết đó là tài sản trộm cắp nên không xem xét xử lý.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, những người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự. Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Tạ Đăng Khánh D phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Đăng Khánh D **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

3. Về vật chứng:

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng được thể hiện như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/3/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q)

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Tạ Đăng Khánh D phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- Công an tp.Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp.Tuyên Quang;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường C;
- Bị cáo, người bị hại, người có QLVNQL;
- Người đại diện hợp pháp;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tường – Trần Thế Dũng

Lương Thanh Huyền

